

XÁC ĐỊNH THỂ LOẠI TRUYỆN BA PHI

Triều Nguyên

Hội Văn nghệ dân gian Thừa Thiên Huế

trieunguyen51@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/11/2017; Ngày duyệt đăng: 20/12/2017

TÓM TẮT

Việc xem truyện Ba Phi thuộc truyện Trạng là điều thường gặp trong các công trình nghiên cứu về văn học dân gian, văn hoá dân gian lâu nay. Thật ra, truyện Ba Phi không phải là truyện trạng, mà là một bộ phận của truyện cười, tương tự với truyện các làng cười (mà chúng ta đã biết). Bài viết đã phân tích nhằm cho thấy điều ấy. Sự phân định giữa truyện Ba Phi với truyện trạng sẽ có ý nghĩa đáng kể, nhằm tiện nắm bắt đặc điểm của mỗi thể loại. Bên cạnh đó, việc làm này cũng góp phần làm rạch ròi, sáng rõ mối quan hệ giữa các thể loại, trong hệ thống văn học dân gian Việt Nam.

Từ khóa: truyện Ba Phi, truyện Trạng, truyện dân gian Việt Nam

ABSTRACT

Identifying the genre of Ba-Phi story

Considering that Ba-Phi story is belong to the story of Trạng is a common thing in the study of folk literature and folk culture for a long time. However, the Ba-Phi story is not a Trạng story but a part of a comic, similar to comedy stories (which we already know). The article will analyze distinctive features to show that. The distinction between the Ba-Phi story with the story of Trạng will have a significant meaning, which is capturing the characteristics of each type. In addition, this work also contributes to clarify the relationships among genres, in the folklore system of Vietnam.

Keywords: Ba-Phi story, the story of Trạng, Vietnamese folk tales

1. Đặt vấn đề

Một số công trình sưu tầm, nghiên cứu thường xếp truyện Ba Phi với truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột, truyện Thù Thiệm,... vào cùng một nhóm hay một loại. Chẳng hạn:

- Công trình của Trương Chính, Phong Châu (1987) gồm hai mục, Mục 1: “Truyện cười”; Mục 2: truyện Trạng Lợn, truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột, truyện Ông Ó, truyện Ba Phi.

- Công trình của Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuồng (2001), ở phần “Truyện trạng cười”, gồm: truyện Trạng Quỳnh, truyện Trạng Lợn, truyện Ba Giai - Tú Xuất, truyện Xiển Bột, truyện Thù Thiệm, truyện Quán Bạt, Trạng Ó, truyện Ba Phi,... (tr. 839-845).

- Tác giả Nguyễn Chí Bền (2003) đã viết: “Nếu sắp xếp theo một trật tự lịch sử, sớm nhất là hệ thống truyện Trạng Lợn, muộn nhất có lẽ là truyện Ba Phi” (tr. 421), và “Truyện trạng gắn với một nhân vật cụ thể, có tính danh. Nhân vật ấy có thể là Trạng Quỳnh (truyện *Trạng Quỳnh*), Trạng Lợn (truyện *Trạng Lợn*), ông Ó (truyện *Ông Ó*), Ba Phi (truyện *Ba Phi*), Nguyễn Kinh

(truyện *Nguyễn Kinh*), Thù Thiệm (truyện *Thù Thiệm*)” (tr. 422);...

- Bài viết của tác giả Bùi Mạnh Nhị (2004) cho rằng: “Truyện Ba Phi cũng là sự tiếp nối, với biến thể mới, hệ thống truyện trạng của Nam Bộ, của Việt Nam và Đông Nam Á. Hệ thống truyện trạng Nam Bộ đã từng có truyện Ông Ó, Bộ Ninh. Truyện trạng Việt Nam có Trạng Quỳnh, Xiển Bột, Thù Thiệm, truyện của làng Trúc Ó (“Trúc Ó một tổ nói phét”), của làng Vĩnh Hoàng (“Vĩnh Hoàng cả làng nói trạng”)... Lào có truyện Xiêng Xa Vạt, Xiêng Miêng, Campuchia có truyện Thmênh Chây” (tr. 208).

Khi tìm hiểu về truyện trạng, người thực hiện bài viết này nhận thấy, truyện Ba Phi không cùng một loại với truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột, truyện Thù Thiệm,... Do đó, cần xem xét kỹ hai loại truyện liên quan để nhận diện vấn đề. Đồng thời, cũng cần đặt truyện Ba Phi vào đúng vị trí của nó, trong hệ thống các thể loại của văn học dân gian Việt Nam. Đó là hai nội dung chính mà bài viết này muốn bàn đến.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Xem xét hai loại truyện liên quan: truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột, truyện Thủ Thiệm,... với truyện Ba Phi

2.1.1. Thử đọc sáu mẩu truyện dưới đây, trích từ *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam - Tập III: truyện cười, truyện trạng cười, truyện ngụ ngôn* (Nguyễn Chí Bền, 2004): ba mẩu đầu theo thứ tự thuộc truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột, truyện Thủ Thiệm, ba mẩu sau thuộc truyện Ba Phi:

(1) **Tiên sư thăng bảo thái** (truyện Trạng Quỳnh)

Một hôm đã nhá nhem tối, Quỳnh sai lính ra dặn khắp các hàng thịt ở kinh thành là ngày mai quan Trạng đái yến, mỗi cửa hàng phải bán cho quan năm mươi cân thịt, nhưng đặt thái sẵn cho đỡ mất công người nhà.

Các cửa hàng thịt mừng lắm, sáng sớm đã thái sẵn thịt, nhưng chờ mãi không thấy người nhà Trạng ra nhận.

Đợi đến trưa, cũng chẳng thấy ai, liền kéo đến dinh Trạng hỏi, thấy dinh ngoài vắng tanh vắng ngắt, chẳng có khách khứa gì cả. Hỏi Trạng thì Trạng lại bảo:

- Không biết. Chắc có đũa nào chơi xò bà con đây. Cứ réo tên đũa nào bảo thái mà chửi.

Bọn hàng thịt ức lắm, vừa kéo nhau đi về vừa réo:

- Tiên sư thăng bảo thái! Tiên sư thăng bảo thái!

“Bảo Thái” là niên hiệu của vua. Thế là tự nhiên vô cớ, vua bị một mẻ chửi inh cả phố.

(Nguyễn Chí Bền, 2004: tr. 241-242)

(2) **Mẹ tròn con vuông** (truyện Xiển Bột)

Về già, Xiển làm thầy thuốc và dạy học. Ông chữa bệnh rất giỏi, từ dân cho chí quan đều phải phục tài. Quan phủ Thọ Xuân có bà vợ và đứa con ốm thập tử nhất sinh, sai lính đến nhà lấy thuốc. Ông gói cho hai gói bảo mang về.

Quan hỏi anh lính gói nào là của bà lớn, gói nào của cậu ấm. Anh lính bảo không biết. Quan nhìn ngoài gói thuốc xem có đề chữ gì không thì chỉ thấy một gói vẽ một cái vòng tròn, gói kia vẽ một cái hình vuông. Quan đoán mãi không ra, sai lính phải đi mời ngay thầy lang Xiển đến.

Khi đến nhà quan phủ, Xiển cầm lấy hai gói thuốc, giả vờ nổi giận mắng anh lính: “Đồ ngu như lợn! Có thể mà cũng không biết, mẹ tròn con vuông chứ còn gì nữa!”.

(Nguyễn Chí Bền, 2004: tr. 402)

(3) **Chu cha, hung he!** (truyện Thủ Thiệm)

Thủ Thiệm có nghề cắt thuốc bắc. Một hôm, Thiệm đi thăm bệnh về, trời đã chạng vạng. Đang đi, Thủ Thiệm thấy đằng xa có mấy cô gái đang cời trần tắm ở một cái giếng. Đường cái lúc ấy vắng ngắt, Thiệm nghĩ bụng “Cái đồ mất nết!”.

Ngay lập tức, Thủ Thiệm nghĩ ra một mẹo. Ông lấy khăn bịt đầu, để khăn phủ xuống hai mắt, lại lật hai mí mắt lên, rồi tìm một cái cây làm gậy, giả làm người đi. Xong sờ soạng, lom khom, từng bước đi dần tới chỗ các cô đang tắm.

Thủ Thiệm hỏi xin các cô một gàu nước để rửa mặt. Rửa mặt xong hai mí mắt trên lật lại như cũ. Thủ Thiệm đứng thẳng người lên, ngó chăm chăm từng cô gái rồi kêu lên:

- Chu cha, hung he!

Các cô biết không phải người đi, hoảng quá, la om sòm, chụp áo quần chạy không kịp.

(Nguyễn Chí Bền, 2004: tr. 434)

(4) **Câu cá sáu** (truyện Ba Phi)

- Xứ mình ở đây có nhiều sáu không, bác Ba Phi?

- Ôi! Sáu ở đây nó lên bờ nằm nhiều như cùi lứt.

- Vậy làm thế nào bắt nó?

Bác Ba Phi cười, rồi nói:

- Câu bắt nó thôi. Hôm ấy, tôi làm một cái đôi đi câu con sáu, hai vợ chồng chèo ghe đi. Gặp con sáu lớn ở sông Quảng Phú. Hai sợi đôi nổi lên khúc eo sông. Tôi kéo sợi đôi lên. Cha! Con sáu lớn quá! Tôi quần sợi đôi trước mũi ghe. Thế là sáu chạy, kéo luôn cả ghe. Con sáu kéo ghe chạy đến 15 km, từ Quảng Phú đến vàm Cái Đồi. Lúc đó mới bắt được nó đấy!

- Thế những con đập chấn ngang thì...

- Ô! Ô! Nó băng qua đập, kéo ghe qua luôn mà!

(Nguyễn Chí Bền, 2004: tr. 496)

(5) **Heo đi cày** (truyện Ba Phi)

Nhà tôi không nuôi bò, chỉ có một bầy heo với một bầy trâu. Đứng trong nhà dòm ra thì

chuồng trâu ở phía tay trái, chuồng heo ở phía tay mặt. Ở xứ này, mùa mưa là muỗi kêu như sáo thổi, trâu hay heo gì cũng phải căng mùng cho nó ngủ.

Đầu canh năm, bà nhà tôi kêu tôi thức dậy, mở chuồng lừa trâu ra ruộng cày. Tôi chỉ để ý một điều là lúc nằm ngủ phải quay đầu vô vách để khi giật mình đứng lên, đi ngay ra mở chuồng trâu phía tay trái, rồi lừa đi. Giống trâu ở nhà tôi là giống trâu “phồn” rất to con và mạnh: vai ngang, bụng eo thắt, móng to,...

Hôm đó hừng đông, tôi lừa hai con trâu phồn ra ruộng, gác ách, cày. Nhưng không hiểu sao hai con trâu hôm ấy chúng lại cày hăng quá, bước đi ào ào, nhanh vô cùng. Khoảnh khắc một mẩu tây, cặp trâu đã cày khoanh được gần một nửa thì mặt trời ló mọc. Cặp trâu bắt đầu đi chậm lại. Tôi cứ cầm cày, mặt ngó xuống đường cày, miệng la “Ví! Thá!...”, tay thì quất roi tới tới. Nhưng lạ đời, chẳng những hai con trâu không chịu nghe “ví thá” gì mà miệng cứ thờ hồng học, bước đi lệch bệch...

Cày thêm một lúc nữa, hai con nằm ì ra. Tôi nổi giận đánh mỗi con một roi thật mạnh. Nó la một tiếng “éc”. Đến chừng nhìn kỹ lại tôi mới bật ngựa ra... Hồi khuya, vì vợ tôi sửa cái chõng ngủ ngược đầu, trước khi đi ngủ tôi quên để ý. Đến chừng nghe bà kêu, ba số ba sét bật dậy, tôi cứ đi ngay ra mà mở chuồng phía tay trái như hằng bữa. Ai ngờ lại mở lộn nhầm chuồng heo!

(Nguyễn Chí Bền, 2004: tr. 498)

(6) **Chiếc tàu rùa** (truyện Ba Phi)

Mùa khô năm đó, túng tiền xài, tôi mới nghĩ ra một cách bắt rùa để chở ra chợ Sông Đốc bán. Ra dựng Tư tôi mượn một chiếc ghe cà vom chở chừng năm trăm giạ lúa, chống vô Lung Tràm đậu cặp mé phía dưới gió, cặm sào banh hai đầu cho thật chắc. Tôi còn kéo tám đòn dầy bắc thẳng lên bờ. Làm xong, tôi đi vòng phía trên gió, nổi lửa đốt một hàng dài. Mùa khô ở đây, cỏ ủ lên tới lưng quần để làm mồi cho lửa lắm.

Lửa bắt đầu bốc ngọn, tôi lội trở về chỗ đậu ghe, ngồi chờ. Độ chừng hút tàn điếu thuốc, tôi thấy rùa đã bắt đầu bò xuống lai rai. Lửa phía trên gió bắt đầu vào sậy, cháy, nổ rộp rộp. Rùa bò xuống mỗi lúc một nhiều. Chúng xếp hàng một, nối đuôi nhau bò tới. Con nào cũng nghênh

cổ lên cao, mắt ngó chừng đảo đạc. Một lúc, gió thổi mạnh lên, lửa cháy nà nà xuống, tốp sau hoảng hồn kéo chạy đùng đùng, không còn trật tự gì nữa. Rùa vàng, rùa nắp, rùa quạ, rùa hồi, rùa đém... dồn tới từng bầy, leo xuống ghe. Giống rùa là chúa sợ lửa. Chúng chạy bằng ba chân, còn một chân trước đưa lên che mặt. Con nào cũng chảy nước mắt, nước mũi choàm ngoàm.

Thấy chúng tràn xuống quá sá, tôi ngồi gần đầu cây đòn dầy, coi con nào lớn thì cho đi, con nào nhỏ thì cứ bặt tay một cái là lọt xuống sông. Một hồi, rùa xuống đầy ghe. Tôi nhỏ sào, rút đòn dầy, dong luôn ra chợ. Nhưng khổ nổi, số rùa nhỏ bị rớt xuống nước cứ bầu theo be ghe kết thành bè, một chân chúng vịn vào be ghe, còn ba chân cứ đập nước, theo trơn ghe đi tới. Chiếc ghe bị rùa đẩy chạy tới ào ào. Tôi thấy vậy cười khà, ngồi phía sau kèm lái, mở gói thuốc ra hút phi phèo.

Ra gần tới chợ Sông Đốc, tôi bỗng nghe mấy người đàn bà bên kia sông la chơi với:

- Xuồng chở lúa, khảm lắm. Tàu làm ơn tốp máy lại chút nghen!

Thật hết phương khả đảo, chỉ còn ngồi lắc đầu chịu chết. Tôi khoát tay:

- Mấy bà con cảm phiền ép xuống sát bờ giùm chút đi! Tôi tốp máy không được. Chiếc tàu rùa!...

(Nguyễn Chí Bền, 2004: tr. 498-499)

2.1.2. Tạm cho truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột và truyện Thủ Thiêm,... thuộc cùng một kiểu, kiểu truyện trạng, ta thấy kiểu truyện này có kết cấu (đồng thời là cốt truyện¹) gồm bốn bước như sau:

1/ Tạo mâu thuẫn giữa nhân vật trạng và nhân vật là đối tượng mà trạng cần chiến thắng (hay hạ bệ, thuyết phục) - bước *thắt nút* hay *khai đoạn*;

2/ Nhân vật trạng tiến hành các phần việc theo mưu mẹo đã định - bước *phát triển*;

3/ Mưu mẹo được thực hiện trọn vẹn, nhân vật trạng chiến thắng, đối tượng của nhân vật trạng bị hạ bệ hay thuyết phục - bước *đỉnh điểm*,

¹ *Kết cấu thuộc lĩnh vực hình thức, cốt truyện thiên về lĩnh vực nội dung. Do dung lượng truyện trạng tinh gọn tương tự truyện cười, truyện ngụ ngôn, nên khi rút ra kết cấu và cốt truyện, chúng thường trùng khít nhau. Điều này cho thấy, ở mức tối giản, hình thức và nội dung của một văn bản văn học là một chỉnh thể thống nhất, khó thể tách bạch.*

cao trào;

4/ Nhân vật trạng hạ hê, đối tượng của nhân vật trạng ê đôn (có khi, bước này nhằm giải thích cho bước trước) - bước mở nút, kết thúc.

Phân tích ba truyện trạng đã dẫn theo các bước vừa nêu:

- *Bước thắt nút*: Truyện (1) và (2): ở truyện trạng nói chung, việc mâu thuẫn giữa các nhân vật trạng với vua chúa, quan lại, hào lý được xem là hiển nhiên, nên lắm khi không cần phải “tạo” ra. Truyện (3): Thủ Thiệm tình cờ gặp các cô gái tắm trường và cho đó là việc làm sai bậy, “mất nét”, nên quyết trừ chọc.

- *Bước phát triển*: Truyện (1): Quỳnh sai lính ra dặn các hàng thịt bán cho quan Trạng năm mươi cân thịt thái sẵn vào ngày mai. Hôm sau, họ lo thái sẵn thịt, nhưng chờ mãi không thấy người nhà trạng ra nhận. Đợi đến trưa, bèn kéo đến dinh Trạng hỏi, thì Trạng bảo: “Cứ réo tên đưa nào bảo thái mà chửi”. Truyện (2): Xiển đưa hai gói thuốc, một gói vẽ vòng tròn, một gói vẽ hình vuông cho tên lính đem về nhà quan, để chữa cho quan bà và cậu ấm. Lính không biết gói nào dành cho bà gói nào dành cho cậu đã đành, quan cũng đoán mãi không ra. Truyện (3): Thủ Thiệm lấy khăn bịt đầu, lật hai mí mắt lên, rồi tìm một cái cây làm gậy, giả làm người mù. Xong quờ quạng từng bước đi dần tới chỗ các cô đang tắm để xin nước rửa mặt.

- *Bước cao trào*: Truyện (1): Bọn hàng thịt bị lừa phỉnh tức lắm, vừa kéo nhau đi về vừa réo: “Tiên sư thẳng bảo thái! Tiên sư thẳng bảo thái!”. Truyện (2): Xiển cầm lấy hai gói thuốc, giả vờ nổi giận mắng anh lính (thật ra, là mắng quan): “Đồ ngu như lợn! Có thể mà cũng không biết, mẹ tròn con vuông chứ còn gì nữa!”. Truyện (3): Rửa mặt xong, hai mí mắt trên lật lại như cũ, Thủ Thiệm đứng thẳng người lên, ngó chằm chằm từng cô gái rồi kêu lên: “Chu cha, hung he!”.

- *Bước mở nút*: Truyện (1): “Bảo Thái” là niên hiệu của vua², bỗng dung vua bị một mẻ chửi inh cả phở (giải thích cho các bước trước, tức giải thích mục đích của truyện). Truyện (2): Không

có bước này mà dừng ở bước thứ ba³. Truyện (3): Các cô biết không phải người đui, hoảng quá, la om sòm, chụp áo quần chạy không kịp.

So sánh giữa nhân vật và cốt truyện của truyện trạng vừa trình bày với nhân vật và cốt truyện của truyện Ba Phi, có thể thấy rằng:

- Nhân vật là đối tượng mà các trạng cần hạ bệ hay thuyết phục là con người, với không gian, môi trường sống là xã hội con người (trong đó, có các thiết chế, các việc làm, các mối quan hệ,...). Đây là nhân vật chính, loại phản diện (trong lúc trạng là nhân vật trung tâm, loại chính diện)⁴. Ở truyện Ba Phi không có kiểu nhân vật này.

- Cốt truyện gồm bốn bước của truyện trạng khá xa lạ với cốt truyện của truyện Ba Phi.

Với hai nội dung vừa nêu, đã có thể kết luận: truyện trạng và truyện Ba Phi là hai đối tượng khác loại.

Thật ra, khi xếp truyện Ba Phi cùng loại với truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột, truyện Thủ Thiệm, tài liệu “Thử xác định đặc điểm thể loại truyện trạng trong văn học dân gian Việt Nam” (sđd.) đã thấy có sự khác biệt: “Đại bộ phận truyện trạng đều vẽ ra một không gian xã hội, gắn liền với các chặng trong cuộc đời của nhân vật trung tâm của một hệ thống truyện: lúc nhỏ ở quê nhà, lớn lên đi thi và sống ở kinh kỳ, về già và chết. Truyện Trạng Quỳnh thể hiện rõ nhất những đặc điểm của không gian nghệ thuật truyện trạng. Chỉ có hệ thống truyện Ba Phi là hướng sang một hướng khác. Không gian nghệ thuật của truyện trạng Ba Phi là một không gian thiên nhiên vùng Cà Mau với những của chìm của nổi” (tr. 421). Tài liệu “Truyện Ba Phi và văn hoá dân gian Nam Bộ” (sđd.) cũng thừa nhận: “Truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột, Thủ Thiệm, Ông Ó có sự khác biệt rất rõ với truyện trạng Ba Phi về tính chất trạng và phương thức trạng. Truyện Ba Phi không đả kích, giỡn vua chúa,

³Người ta có thể kể thêm, chẳng hạn: “Quan bị mắng, giận tím mặt mà không làm gì được Xiển”. Lời kể thêm này thuộc bước thứ tư, có tác dụng làm rõ việc chiến thắng của Trạng, sự ê chề của nhân vật là đối tượng mà trạng cần hạ bệ hay thuyết phục. Ngoài ra, nó còn là cách giải thích, làm rõ hơn nội dung của mẩu truyện.

⁴Nếu cho trạng là nhân vật chính, thì nhân vật là đối tượng mà trạng cần hạ bệ hay thuyết phục là nhân vật chính thứ hai của các mẩu truyện.

²Là niên hiệu của vua Lê Dụ Tông, ở ngôi 24 năm (từ 1705 đến 1729). Bảo Thái được đặt từ 1720 đến 1729 (trước đó, thời kì 1705-1720, là Vĩnh Thịnh).

quan lại; không hướng tiếng cười vào các thói tật của các loại người trong xã hội; không dùng thủ pháp gây cười, châm biếm bằng những mẹo lừa, “chơi khăm”, câu đối, các kiểu chơi chữ...” (tr. 209).

Khi đặt vấn đề một cách hệ thống như đã trình bày, sự khác biệt được nhận ra rõ nét hơn.

2.2. Xác định thể loại truyện Ba Phi

Không phải truyện trạng, vậy truyện Ba Phi thuộc thể loại nào trong hệ thống các thể loại văn học dân gian Việt Nam?

2.2.1. Ở nước ta hiện nay, có khoảng 150 mẫu truyện thuộc các lối *nói trạng*, *nói khoác*, *nói phét*⁵ được công bố. Nói trạng Vĩnh Hoàng (xã Vĩnh Hoàng (1949-1955), huyện Vĩnh Linh cũ - nay là huyện Bến Hải, tỉnh Quảng Trị), qua *Chuyện trạng Vĩnh Hoàng* (Võ Xuân Trang, 1984; tr. 32-33), có 31 mẫu truyện. Sách *Truyện làng cười xứ Bắc* (Trần Quốc Thịnh, 1988), chỉ riêng lối *nói khoác*, *nói phét* đã ghi nhận bảy làng cười, với hơn 100 mẫu truyện khác. Đó là: a) *Nói khoác Đồng Sài* (làng Đồng Sài, cũng có tên Đồng Tề, nay thuộc xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh); b) *Nói phét Trúc Ô* (làng Trúc Ô thuộc tổng Mộ Đạo, huyện Quế Dương, nay là thôn Trúc Ô, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh – cách Đồng Sài 15 km về phía tây nam); c) *Nói khoác Đông An* (làng Đông An thuộc tổng Mẫn Xá, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh); d) *Nói phét Yên Từ* (làng Yên Từ thuộc tổng Lam Sơn, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh); e) *Nói phét Hoà Làng* (Hoà Làng thuộc xã Hoà Mục, tổng Mục Sơn, huyện Yên Thế, phủ Lạng Giang; nay là thôn Hoà Làng, xã Phúc Hoà, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang); f) *Nói phét Dương Sơn* (Dương Sơn còn gọi là Kê Nèo, thuộc tổng Mục Sơn, huyện Yên Thế, phủ Lạng Giang; chỉ cách Hoà Làng mấy ngọn đồi và chung đồng với nhau); g) *Nói khoác Tiên Lục* (làng Tiên Lục, trước gọi là Sơn Lục, thuộc tổng Đào Quán, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang; nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang)⁶. Chưa kể

⁵ Các khái niệm “nói trạng”, “nói khoác”, và “nói phét” là gần nghĩa.

⁶ Ngoài nói khoác, nói phét, còn có nói tức, nói ngang,

các sưu tập bổ sung hai tài liệu vừa kể và số sách sưu tầm truyện làng cười khác.

Đọc một số mẫu truyện thuộc loại truyện của các làng cười sau (mỗi làng một mẫu):

(7) **Cái cạp mà cày** (Nói trạng Vĩnh Hoàng)

Vĩnh Hoàng trước đây nhiều cạp lăm. Chuyện trạng về cạp thì rất nhiều. Tôi chỉ xin kể các bạn nghe vài chuyện thôi. Một hôm, trời vừa sáng tôi ra đường thì gặp một ông bạn vác một cái cày lợi lũng lũng từ ngoài đồng về.

- Bò trở chúng hay rặng mà lợi cày phải về sớm rứa? - Tôi hỏi.

Bỏ cái cày xuống đường, ông bạn tôi bắt đầu ca cẩm:

- Trờ chúng trờ chiếc chi mô. Đầu đuôi là tại mụ vợ tui hết. “Trăng đực đực” mụ tưởng là trời sắp sáng liền gọi tui dậy đi cày. Người ta nói “Trăng đực đực làm cực trai cày” quả đúng thiệt như rứa. Tuy mắt nhắm mắt mở nhưng ra ngoài ràn tui vẫn chọn được một đực bò dề khoang để cày cho khoẻ. Đến ruộng thấy trời chưa rọng nên tui thả bò cho ăn thêm ba miếng, luôn thể kiểm con roi rồi mới cày bò cày. Cày xong, tôi mới dạo bò đi. Con bò dề sáng ni rặng cứ ngấp ngấp nghênh nghênh không chịu đi mà cứ xìa xìa người vô trong miệt rú. Bực mình, tôi mới quát một roi. Đực bò dề lồng lên làm lưỡi cày đâm su dưới đất nghe kêu “rắc”. Tui bỏ cày chạy lại coi, thì trời ơi, một lạo cạp! Mặt lạo thì bạc mà ba vành miệng như cái nồi ba đang cố sức kéo cái cày lên. Té ra tui cày lăm cạp mà không biết! Tui vội lấy cái rạ đến chặt niệt. Lạo hoàng quá, hộc một tiếng rồi kéo cả cày chạy vô rú. Tui đuổi theo gần đứt hơi mới giành lại được cái cày, nhưng cày đã lợi mất rồi. Biết như ri để cho hấn tha luôn, đuổi làm chi thêm mệt⁷ (Võ Xuân Trang, 1984; tr. 32-33).

(8) **Vấn củ suốt đêm** (Nói khoác Đồng Sài)

Củ làng tôi thì to khủng khiếp. Chả thế mà dạo rét tháng chạp năm ngoái, có bốn thằng kẻ trộm đến đồng làng tôi đào trộm củ, hai thằng gác ở hai đầu ruộng còn hai thằng bới. Từ tối khuya đến quá nửa đêm chúng hí hoáy moi được

nói giễu, nói khoe...

⁷ Một số từ địa phương: “cài”: đặt ách lên cổ trâu, bò, để tiến hành cày kéo; “lợi”: gãy; “rọng”: rạng (sáng); “su”: sâu; “lạo”: lão; “rạ”: rựa; “niệt”: sợi dây cày.

một cái cũ, thế là cả bọn xúm vào vắn. Hi hục suốt đêm mà sáng ra tuần lại bắt được quả tang vì chưa ra khỏi địa phận (Trần Quốc Thịnh, 1988: tr. 11).

(9) **Mỡ cá mè** (Nói khoác Đông An)

Cá mè đồng Đông An chúng tôi béo ơi là béo! Theo tục lệ của làng, khi mỡ cá phải lọc hai lá mỡ ra rán để đốt đèn, con nào bé nhất cũng đốt được một tháng. Nếu để cá mỡ ngấy không ăn được.

Có một cô gái làng Chờ mới về đây làm dâu không biết tục ấy, nấu rêu dọc cả mỡ. Nồi rêu để trên bếp, bố chồng đi cây về mỡ vung thấy ngon, húp thử một ngụm. Mỡ cá ngấy đến tai, ông nuốt không nổi, vội nhỏ vào bếp than. Nào ngờ, than còn rục, bốc lửa bùng lên cháy bếp. May mà làng xóm đến chữa được, chứ nó lan ra có mà hết nghiệp! (Trần Quốc Thịnh, 1988: tr. 39).

(10) **Cái nón to** (Nói phét Yên Từ)

Nón ba tấm của bà mợ đã to đấy chứ? Thì nón thừa mà lại! Ai cũng bảo không thể có một cái nón to hơn và cũng không thể có cái nào đẹp hơn thế.

Cô cháu gái là người Yên Từ quyết không chịu:

- Nón của mợ thua nón của u cháu nhiều lắm. Nón của u cháu to hơn, mà cũng đẹp hơn: nền nón xanh biếc, có kính lấp lánh như sao sa.

Bà mợ không bằng lòng, hẹn ngày sang xem, nếu quả nón của chị chồng to hơn và đẹp hơn thì đổi chác. Mợ nhất định phải dùng cái nhất xứ này, không chịu có cái nào to và đẹp hơn.

Đến hôm mợ sang Yên Từ, thấy chị chồng đi chợ đầu trần. Thì ra, u cô kia chi... đội trời! (Trần Quốc Thịnh, 1988: tr. 46-47).

(11) **Ếch khỏe hơn trâu** (Nói phét Hoà Làng)

Mọi hôm tôi vẫn dậy sớm đi cày, hễ cứ xong bốn sào rưỡi thì trời sáng. Lạ sao hôm đó cày xong thửa ruộng năm sào mà trời vẫn còn tối.

Đến khi hết ruộng nhấc cây lên bờ toan tháo ra thả trâu cho ăn, thì ôi thôi, bỏ mẹ, tối tăm nhạp nhoạng thế nào, mình bắt nhầm vào con ếch đi cày! Tháo nào mà nó cứ kéo cà giật, cà giật (Trần Quốc Thịnh, 1988: tr. 60).

(12) **Sốt cao** (Nói phét Dương Sơn)

Hôm ấy, tôi đang dỡ sắn trên đồi thì thấy bị gậy gậy sốt, rồi cứ mỗi lúc một sốt cao hơn, người

nóng hầm hập, tôi không đỡ nữa mà phải bỏ về.

Tiện tay, tôi dặt một củ vào lưng quần để về cho cháu nó nướng. Nhưng sốt cao quá, về giờ sắn ra thì đã chín nục và bỏ tung ra rồi (Trần Quốc Thịnh, 1988: tr. 79).

2.2.2. So sánh nhóm truyện của các làng cười vừa dẫn với ba truyện (4), (5) và (6) thuộc truyện Ba Phi, có thể thấy giữa chúng có sự tương đồng khá rõ:

- *Về nhân vật:*

Nhân vật trung tâm, nhiều trường hợp đồng thời là người kể chuyện, phần lớn dùng ngôi thứ nhất (xưng “tôi”). Chẳng hạn: “Tôi làm một cái đôi đi câu con sấu” (4); “Tôi nổi giận đánh mỗi con một roi thật mạnh” (5); “Tui bỏ cây chạy lại coi, thì trời ơi, một lạo cộp!”; (7); “Củ làng tôi thì to khủng khiếp” (8)... Đây là ngôi kể dễ gây cảm tình với người nghe, đặc biệt, là có thể sử dụng lời ăn tiếng nói địa phương, cách tu từ nhân hoá, khoa trương,...

- *Về đối tượng mà nhân vật tác động hay quan hệ:*

Đối tượng mà nhân vật “tôi” tác động, quan hệ thường là sản vật (gồm cây trồng, vật nuôi, động vật hoang dã,...) ở địa bàn được quan tâm. Đó là, cá sấu ở sông Quảng Phú (4), rùa ở Lung Trám (6), cộp ở Vĩnh Hoàng (7), củ khoai lang ở Đồng Sài (8), cá mè ở Đông An (9), củ sắn ở Dương Sơn (12),... Cũng có thể hiểu các sản vật vừa nêu là đặc sản của địa phương, thứ mà nhân vật “tôi” muốn giới thiệu với người nghe (đọc).

Một trường hợp đặc biệt về đối tượng mà nhân vật tác động hay quan hệ: có một sự tương ứng, gần gũi giữa “Heo đi cày” (5) với “Cái cộp mà cày” (7) và “Ếch khỏe hơn trâu” (11). Ba truyện này đều kể về sự nhầm lẫn của nhân vật “tôi” khi đi cày, do trời chưa sáng, ngủ chưa đầy giấc, đang mắt nhắm mắt mờ, nên thay vì trâu bò, “tôi” đã cày bằng heo, cộp, và cá ếch! Cày bằng heo nhầm khoe heo to, khoẻ; cày bằng cộp hồng cho thấy vùng đất liên quan có nhiều cộp, hoặc cộp cũng như trâu bò chẳng có gì đáng sợ; còn cày bằng ếch thì... sự phóng đại đã quá rõ ràng.

- Về thủ pháp phóng đại hay nói quá được sử dụng rộng rãi, dày đặc:

Các sản vật là đối tượng mà nhân vật “tôi” tác động hay quan hệ thường được phóng đại, nói quá lên. Thường là nói quá một tính chất, đặc điểm nào đấy, như rất to, rất khoẻ, rất nhiều, hoặc rất ngon, rất béo, rất bờ (khoai, sắn),... Cá sấu ở sông Quảng Phú thì to, khoẻ đến kéo chiếc thuyền chở vợ chồng Ba Phi chạy băng băng trên sông, trượt ngang các con đập, suốt 15 km (4); rùa ở Lung Tràm thì nhiều đến độ chỉ một thời gian ngắn là bắt được đầy thuyền; chẳng những thế, những con bé bị loại ra đã bám vào thuyền mà bơi khiến thuyền chạy vo vo như có gắn động cơ (6); củ khoai lang ở Đồng Sài to đến mức bốn tên trộm vùn suốt đêm vẫn không ra khỏi địa phận của làng (8); cá mè ở Đông An béo và mỡ màng đến độ, chỉ một ngụm canh của nó nhả ra ở bếp than đã phụt cháy như xăng (9); củ sắn ở Dương Sơn bờ đến chỉ cặp vào lưng quần của người bị sốt, đã chín như và nờ tung ra⁸,...

Lý do về việc sử dụng dày đặc thủ pháp nói quá, vì việc nói quá liên quan đến các đặc sản thường tạo được sự đồng thuận mạnh mẽ ở người bản địa, bởi nó dấy lên tình cảm, niềm tự hào về miền quê mà họ đang sinh sống (trong tâm lý của người sống ở những nơi khác, tuy nhận ra việc phóng đại kia, nhưng nghĩ đó là chuyện thường tình, được vui mà chẳng hại ai, nên cũng tán thưởng).

- Về kết cấu của truyện:

Nhóm ba truyện Ba Phi và các mẫu truyện làng cười cùng có chung kết cấu: truyện được dẫn dắt bởi vài chi tiết ngắn gọn xoay quanh một sản vật, nhằm đi đến một lời nói trạng, nói khoác, nói phét, hoặc một hành động liên quan (bằng lối phóng đại, khoa trương) có tính chất bất ngờ (nhằm gây cười), và kết thúc ở đó.

Các tương đồng vừa nêu là khá rộng rãi. Chúng đủ để có thể xếp truyện Ba Phi và nhóm truyện các làng cười về nói trạng, nói khoác, nói phét thành một nhóm. Nhóm truyện này thuộc bộ phận truyện các làng cười, của truyện cười dân gian người Việt.

2.2.3. Có thể có câu hỏi sau được đặt ra ở đây:

“Cái tên truyện Ba Phi làm sao tương ứng với tên

⁸Cũng có thể hiểu: sốt cao đến độ thân nhiệt làm cho củ sắn giắt ở lưng quần chín và bờ tung ra (cũng dùng cách phóng đại).

gọi về truyện của các làng cười (chẳng hạn: nói trạng Vĩnh Hoàng, nói khoác Đồng Sài, nói phét Yên Từ,...)?”

Tài liệu *Chuyện trạng Vĩnh Hoàng* (sdd.) cho biết “Cái nôi của chuyện trạng Vĩnh Hoàng là làng Huỳnh Công. Làng Huỳnh Công có ba giáp (thôn) Huỳnh Công Tây, Huỳnh Công Đông và Huỳnh Công Nam, nhưng trung tâm của *Chuyện trạng Vĩnh Hoàng* lại là Huỳnh Công Tây” (tr. 10). Nếu tài liệu này “giới hạn” vấn đề một lần nữa, thì sẽ dẫn đến việc nêu tên các ông A, bà B ở thôn Huỳnh Công Tây nói trạng. Giả sử ông A là người “nói trạng” giỏi, được người đời sau sưu tập và in thành sách, ghi tên làm chủ nhân (bấy giờ, những mẫu truyện liên quan trong làng đều tập trung vào nhân vật A), thì cái gọi là *nói trạng Vĩnh Hoàng* sẽ không còn (mà trở thành “Truyện Ông A”). Hoặc giả, ông A là người “nói trạng” giỏi ấy, không ở Vĩnh Hoàng nữa mà đến định cư ở một miền quê khác; tại đây, ông tiếp tục nói trạng cho mọi người nghe (trong lúc mọi người thì ít nói như vậy hơn), và hậu thế sưu tập truyện của ông, cũng sẽ ghi là “Truyện Ông A”. Ta thấy, về bản chất “Truyện Ông A”, ở cả hai trường hợp, không khác *nói trạng Vĩnh Hoàng* (cái khác là sản vật được đề cập bấy giờ thuộc vùng đất mới, chứ không phải những thứ có ở xã Vĩnh Hoàng).

Điều bài viết muốn nói ở đây, là giữa tên người cụ thể và tên làng xã không phải quá khác biệt đến không thể chung cùng; và khả năng truyện Ba Phi thuộc trường hợp giả định thứ hai. Nói rõ hơn, về mặt tên gọi, việc xếp truyện Ba Phi cùng nhóm với truyện các làng cười về nói trạng, nói khoác, nói phét (chẳng hạn: nói trạng Ba Phi, nói khoác Đồng Sài,...), là không có gì mâu thuẫn⁹.

⁹Tác giả Anh Động (Nguyễn Việt Tùng), một nhà văn ở Kiên Giang, người từng viết một số cuốn sách về Ba Phi, trong bài viết “Tôi cùng bác Ba Phi có duyên nhưng không nợ” (Tập chí Văn hoá dân gian, số 1 (85), năm 2003, tr. 11-16), đã thừa nhận: a) Ba Phi là người có thật, một tiểu địa chủ, với gần 100 ha ruộng, ở vùng Lung Tràm, xã Khánh Bình Tây; ông thường kể chuyện để giúp vui bà con, không nhằm gạt gẫm, lừa đảo ai, và những truyện này xuất hiện sau năm 1960; b) Truyện của Ba Phi chỉ nói về thiên nhiên giàu đẹp của xứ sở U Minh, nơi ông đang sống, với rần rùa, tôm cá, chim chuột, tuyệt không có truyện nào nói về chiến tranh (số truyện về chiến tranh, do tác giả - tức Anh Động - và một số người tham chiến

3. Kết luận

Đến đây, đã có thể xác định vấn đề đang được quan tâm: Truyện Ba Phi không cùng nhóm (hay loại) với truyện trạng, gồm truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột, truyện Thủ Thiêm,..., mà cùng nhóm với truyện các làng cười về nói trạng, nói khoác, nói phét, thuộc bộ phận truyện các làng cười, của thể loại truyện cười, trong văn học dân gian người Việt, một bộ phận quan trọng của văn học dân gian đất nước.

Việc nhìn nhận này có ý nghĩa đáng kể khi phân định giữa truyện cười và truyện trạng trong hệ thống các thể loại văn học dân gian, nhằm nắm bắt đặc điểm của mỗi bên. Tất nhiên, nó cũng đóng góp vào công việc sưu tầm, là để sắp xếp, hệ thống hoá những văn bản thuộc các thể loại, tiểu loại đang đặt ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Chí Bền (2004). Thử xác định đặc điểm thể loại truyện trạng trong văn học dân gian Việt Nam. Trong: *Thông báo văn hóa dân gian 2003 (Kỷ yếu Hội nghị khoa học, Viện Nghiên cứu Văn hoá tổ chức)*, Hà Nội, NXB Khoa học xã hội, tr. 417-428.
- Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thường (2001). *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam - Tập III: truyện cười, truyện trạng cười, truyện ngụ ngôn*. Hà Nội, NXB Giáo dục.
- Đặng Thị Thu Hà (2009). Nhân vật trí xảo trong truyện kể dân gian Việt Nam. Trong: *Thông báo văn hoá dân gian 2008 (Kỷ yếu Hội nghị khoa học, Viện Nghiên cứu Văn hoá tổ chức)*, Hà Nội, NXB Khoa học xã hội, tr. 170-185.
- Kiều Thu Hoạch (2006). *Văn học dân gian người Việt: góc nhìn thể loại*. Hà Nội, NXB Khoa học xã hội, tr. 523-544.
- Bùi Mạnh Nhị (2004). Truyện Ba Phi và văn hoá dân gian Nam Bộ. Trong: *Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và Trường Đại học Cần Thơ tổ chức, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Tìm hiểu đặc trưng di sản văn hoá, văn nghệ dân gian Nam Bộ*, Hà Nội, NXB Khoa học xã hội, tr. 199-210.
- Trần Quốc Thịnh (1988). *Truyện làng cười xứ Bắc*. Sở Văn hoá Thông tin Hà Bắc xuất bản.
- Huỳnh Công Tín (1999). Nói quá trong chuyện bác Ba Phi. Trong: *Ngữ học trẻ 1999 (Kỷ yếu Hội nghị khoa học Hội Ngôn ngữ học Việt Nam tổ chức)*, NXB Nghệ An, tr. 358-360.
- Võ Xuân Trang (1984). *Chuyện trạng Vĩnh Hoàng*, Sở Văn hoá Thông tin Bình Trị Thiên xuất bản.
- Hoàng Tiến Tựu (1990). *Văn học dân gian Việt Nam, Tập hai*. Hà Nội, NXB Giáo dục.
- Trần Quốc Vượng (2003). Ba Phi - U Minh - Cà Mau và tâm lý ngoại du của con người. *Tạp chí Nguồn sáng dân gian*, số 1, tr. 8-11.

đã "sáng tác" nên, rồi gán cho ông). Theo quan niệm của người viết bài này, việc "tự thú" (từ của tác giả Anh Động) này rất đáng được quan tâm, nhưng khi một tác phẩm (khoa học, văn học nghệ thuật) đã được công bố, dù tác quyền thuộc người sáng tạo nhưng việc thẩm định chúng lại thuộc về công chúng (chưa nói đến tính tập thể trong sáng tác văn học dân gian). Do đó, những sáng tác, tìm hiểu về vấn đề, như bài viết này đang làm, sẽ không vì điều ấy mà mất đi sự hợp lẽ.